

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/DS-PT

Ngày: 22- 7 – 2022

V/v tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Hùng

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2022/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số 115A, đường TH, Khóm 7, Phường 1, thành phố BL, tỉnh BL (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn S: Ông Dương Long H là Luật sư của Công ty TNHH MTV MQ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh BL (Có mặt)

- Đồng bị đơn:

1. Ông Trần Quốc K, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 58, Lô B03, đường số 8B, Khu dân cư TA, Khóm 1, Phường 7, thành phố BL, tỉnh BL (Có mặt)

2. Bà Lê Thị M, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp CT A1, xã LT, huyện VL, tỉnh BL (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trương Bình Ph, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp CT A1, xã LT, huyện VL, tỉnh BL (Vắng mặt)

2. Anh Trương Văn Ch, sinh năm 1993. Địa chỉ: Ấp CT A1, xã LT, huyện VL, tỉnh BL (Có mặt)

3. Bà Lê Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số 58, Lô B03, đường số 08B, Khu dân cư TA, Khóm 1, Phường 7, thành phố BL, tỉnh BL (Vắng mặt)

4. Chùa Ô B. Địa chỉ: Ấp CT A1, xã LT, huyện VL, tỉnh BL

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Lê Thành L, Trưởng Ban trị sự (Vắng mặt)

- Người kháng cáo: Ông Trần Văn S là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn S trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của Chùa Ô B. Năm 1970, Chùa Ô B tặng cho gia đình ông S phần đất chiều ngang 21m x dài 31m để làm nền mộ chôn cất ông bà nội ông S, việc tặng cho không có giấy tờ, hiện trạng đất lúc Chùa Ô B tặng cho là ao trũng, gia đình ông đã san lấp, đắp đất lên làm nền mộ, phần đất còn lại là cái ao hiện nay bị gia đình ông K, bà M chiếm để nuôi cá nên hai bên phát sinh tranh chấp. Tại đơn khởi kiện, ông S yêu cầu ông K và bà M trả lại diện tích đất là 228m², nhưng phần đất theo đo đạc thực tế là 178,7m² nên rút lại một phần yêu cầu khởi kiện diện tích 49,3m², ông S yêu cầu ông K, bà M trả lại diện tích theo đo đạc thực tế là 178,7m², đất tọa lạc tại ấp CT A1, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đồng bị đơn ông Trần Quốc K và bà Lê Thị M trình bày: Vào tháng 01 năm 1986, ông Phan Hữu H (con ruột của ông Phan Hữu D- tên thường gọi là A) chuyển nhượng cho ông Trần Quốc K phần đất có diện tích 1,3 công tâm cây, loại đất ao, địa, mương lộ, biên mã; không nhớ giá đất tại thời điểm chuyển nhượng. Khi chuyển nhượng hai bên có viết giấy tay tiêu đề “Tờ giấy tay nhượng đất” không đề ngày, tháng 01 năm 1986, có ông Nguyễn Văn U chứng kiến. Sau khi nhận chuyển nhượng đất, gia đình ông K sử dụng đến năm 1990 ông K, bà H mua đất xây nhà ở thành phố BL rồi dời nhà về đó ở; phần đất trên ông K, bà Hải để lại cho bà Lê Thị M và bà Lê Thị Ph (mẹ vợ ông K) sử dụng đến nay. Năm 2002 – 2003, Nhà nước mở rộng Quốc lộ 1A đã xác minh nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và bồi thường cho gia đình ông K (do bà Ph đứng tên nhận tiền bồi thường). Phần đất của gia đình ông S được Chùa Ô B cho để làm nền mộ là phần đất nền mộ hiện nay giáp với phần đất tranh chấp, không phải là phần đất ao hiện do bà M đang sử dụng để nuôi cá, phần đất này là của ông K nhận chuyển nhượng của ông H vào năm 1986 nên ông K không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H, anh Trương Bình Ph, anh Trương Văn Ch thống nhất trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của ông Trần Quốc K và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S đòi trả lại diện tích đất tranh chấp.

Theo đại diện Chùa Ô B trình bày: Nguồn gốc đất hiện ông Trần Văn S đang tranh chấp với ông Trần Quốc K và bà Lê Thị M là của Chùa Ô B do Chùa Ô B đứng tên trên Sổ mục kê. Trước năm 1975, Chùa Ô B đồng ý cho ông Ba Ng (không rõ họ tên) cải tạo đất biên mã để trồng lúa. Sau đó, ông Ng chuyển nhượng lại cho ông A, ông A tặng cho đất lại con ruột là ông Phan Hữu H, ông H chuyển nhượng đất lại cho ông Trần Quốc K. Việc các bên chuyển nhượng đất không có thông qua Ban trị sự Chùa nên Ban trị sự Chùa không rõ diện tích đất chuyển nhượng như thế nào. Đến khi ông S tranh chấp đất với gia đình ông K thì ông K xuất trình giấy nhượng đất của ông H cho ông K vào năm 1986 thì Ban trị sự Chùa mới hay biết phần đất của Chùa đã được sang cho ông K. Ngoài ra, vào khoảng năm 1970, Ban trị sự Chùa có đồng ý cho gia đình ông S 01 phần đất để làm nơi chôn cất thân nhân của ông S, phần đất này hiện gia đình ông S đã xây nhà mộ, trên đó có 09 – 10 cái mộ của thân nhân ông S, không phải là phần đất mà ông S đang tranh chấp với gia đình ông K. Đối với việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông S với gia đình ông K, chủ trương của Ban trị sự Chùa là không yêu cầu các bên trả lại đất cho Chùa mà đồng ý giao đất cho người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất để họ tiếp tục sử dụng.

Từ nội dung trên, Bản án số 08/2022/DS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

1. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi diện tích 49,3m² của ông Trần Văn S đối với ông Trần Quốc K, bà Lê Thị M. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S đòi ông Trần Quốc K, bà Lê Thị M trả lại diện tích đất 49,3m².

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S đòi ông Trần Quốc K, bà Lê Thị M trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 178,7m² thuộc thửa 48 (tách từ thửa đất số 24) tờ bản đồ số 73 (tương ứng với một phần thửa 1473 tờ bản đồ số 7 cũ), đất tọa lạc tại ấp CT A1, xã LT, huyện VL, tỉnh BL, có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất bà Trương Thị Việt Ncó số đo 3,8m, 3,7m, 5,5m;*
- Hướng Tây giáp đất của ông Trần Văn S (nền mộ) có số đo 13m;*
- Hướng Nam giáp đất ông Trần Quốc K có số đo 15m;*
- Hướng Bắc giáp đất ông Trần Quốc K có số đo 12,2m.*

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, nguyên đơn ông Trần Văn S kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông; buộc bị đơn ông Trần Quốc K, bà Lê Thị M trả diện tích đất ao

vững qua đo đạc thực tế 178,7m² tại thửa số 48, tờ bản đồ số 73, đất tại ấp CT A1, xã LT, huyện VL.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Văn S là ông Dương Long H trình bày ý kiến tranh luận: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của Chùa Ô B cho gia đình ông S vào năm 1970 để làm nền mộ. Ông Lê Thành L là Trưởng Ban trị sự Chùa Ô B, theo quy định của pháp luật thì ông L là người đại diện hợp pháp của Chùa Ô B nên việc ông Liêm xác nhận cho gia đình ông S phần đất thổ mộ vào ngày 04/4/2006 và ngày 29/12/2021 xác nhận thêm nội dung “có cho bà B (là mẹ ông S) cái dùng là đúng”, điều đó là phù hợp và đúng quy định. Ông K cho rằng đất tranh chấp là của ông K nhận chuyển nhượng của ông Phan Hữu H vào tháng 01 năm 1986, diện tích 1,3 công tầm cây nhưng không thể hiện rõ vị trí tứ cạnh nên không thể xác định được phần đất tranh chấp là của ông K nhận chuyển nhượng của ông H. Mặt khác, ông Nguyễn Thành S và ông Quách Văn S là thành viên Ban Trị sự Chùa Ô B xác nhận đất tranh chấp là của ông K, bà M là chưa đúng với xác nhận của ông L, vì khi ông L xác nhận cho đất gia đình ông S thì ông S chưa tham gia vào Ban trị sự Chùa. Còn việc Nhà nước bồi thường giải phóng mặt bằng khi mở rộng Quốc lộ 1A cho bà Ph là chưa chính xác mà phải bồi thường cho Chùa Ô B. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S, buộc ông K và bà M trả lại diện tích đất tranh chấp cho ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Trần Văn S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, thống nhất ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông, không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Bị đơn ông Trần Quốc K, bà Lê Thị M trình bày ý kiến tranh luận: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S đòi trả lại diện tích đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Văn Ch trình bày ý kiến tranh luận: Không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S đòi trả lại diện tích đất tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Văn S, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Trần Văn S gửi đến Tòa án nhận ngày 28/02/2022 còn trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Bình Ph, bà Lê Thị H, ông Lê Thanh L (đại diện hợp pháp của Chùa Ô B) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; xét thấy sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét kháng cáo của ông Trần Văn S yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông; buộc bị đơn ông Trần Quốc K, bà Lê Thị M trả cho ông diện tích đất theo đo đạc thực tế 178,7m² tại thửa số 48, tờ bản đồ số 73, đất tại ấp CT A1, xã LT, huyện VL, thấy rằng:

[3.1] Căn cứ vào biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2021 (Bút lục 75) và Mảnh trích đo địa chính số 02-2021 lập ngày 31/3/2021 (Bút lục 76), phần đất tranh chấp tọa lạc tại ấp CT A1, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, có diện tích, vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất bà Trương Thị Việt N có số đo 3,8m, 3,7m, 5,5m;
- Hướng Tây giáp đất của ông Trần Văn S (nền mộ) có số đo 13m;
- Hướng Nam giáp đất ông Trần Quốc K có số đo 15m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Trần Quốc K có số đo 12,2m.

Diện tích đất theo đo đạc thực tế là 178,7m² thuộc thửa 48 (tách từ thửa đất số 24) tờ bản đồ số 73 (tương ứng với một phần thửa 1473 tờ bản đồ số 7 cũ). Cơ quan Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định phần đất tranh chấp nêu trên chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Chùa Ô B đứng tên trong Sổ mục kê đất đai.

Hiện trạng phần đất tranh chấp là đất ao do bà Lê Thị M đang trực tiếp sử dụng để nuôi cá. Ngoài ra, trên phần đất tranh chấp không có tài sản gì khác.

[3.2] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Các bên đương sự đều thống nhất xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của Chùa Ô B. Theo Công văn số 181/TNMT ngày 01/9/2021 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện VL xác định (Bút lục 110, 116, 117): Phần đất tranh chấp có diện tích 178,7m² thuộc thửa 48 (tách từ

thửa đất số 24) tờ bản đồ số 73 (tương ứng với một phần thửa 1473 tờ bản đồ số 7 cũ). Phần đất tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Chùa Ô B đứng tên trong Sổ mục kê, loại đất nghĩa địa. Sự xác định này phù hợp với lời trình bày nêu trên của đương sự. Đây là tình tiết, sự kiện được các bên đương sự thừa nhận, thuộc tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.3] Xét quá trình sử dụng đất:

[3.3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông S cho rằng năm 1970 Chùa Ô B đã tặng cho gia đình ông S phần đất để làm nền mộ cho thân tộc ông S, nhưng cho không có giấy tờ, đến năm 2006, mới xác nhận chùa cho đất. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ông S cung cấp cho Tòa án “Đơn yêu cầu đề ngày 04/4/2006” (Bút lục 154) có xác nhận của ông Lê Thanh L là Trưởng Ban trị sự Chùa Ô B thể hiện nội dung: “Phần đất thổ mộ của bà Nguyễn Thị B, BTS Chùa Ô B có cho vào năm 1970 là đúng”, đến ngày 29/12/2021 ông L xác nhận thêm nội dung “Có cho bà B cái dúng là đúng”. Sau khi được tặng cho thì gia đình ông S cũng không làm thủ tục đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, việc ông L xác nhận có cho “phần đất thổ mộ” và “cái dúng” vào năm 1970 nhưng không nêu rõ vị trí tứ cạnh, diện tích đất bao nhiêu nên không thể xác định phần đất tranh chấp là của Chùa Ô B tặng cho gia đình ông S vào năm 1970.

[3.3.2] Mặt khác, đại diện Chùa Ô B xác định vào khoảng năm 1970, Ban trị sự Chùa có đồng ý cho gia đình ông S một phần đất để làm nơi chôn cất thân nhân của ông S, phần đất này hiện gia đình ông S đã xây nhà mộ, trên đó có 09 – 10 cái mộ của thân nhân ông S, không phải là phần đất mà ông S đang tranh chấp với gia đình ông K. Đối với việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông S với gia đình ông K, chủ trương của Ban trị sự Chùa là không yêu cầu các bên trả lại đất cho Chùa mà đồng ý giao đất cho người đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất để họ tiếp tục sử dụng.

[3.3.3] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 12/01/2021 thể hiện ông S có một phần đất làm nền mộ giáp với phần đất đang tranh chấp về hướng Tây. Điều đó phù hợp với lời trình bày của ông Quách Văn S và ông Nguyễn Thành S và chính lời trình bày của các đương sự (Bút lục từ số 164 đến 169). Tại phiên tòa hôm nay, ngoài đơn yêu cầu ngày 04/4/2006 nêu trên thì ông S không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh phần đất tranh chấp là của Chùa Ô B tặng cho gia đình ông S vào năm 1970.

[3.4] Xét quá trình đăng ký kê khai: Chùa Ô B đứng tên trong Sổ mục kê đất đai. Ông Trần Quốc K xác định sau khi nhận chuyển nhượng đất thì quản lý, sử dụng từ năm 1986 đến nay và trong quá trình sử dụng đất ông K đã đăng ký kê khai đứng tên trên sổ mục kê năm 1998 tại thửa 24, tờ bản đồ số 73 với diện tích 641,3m² (Bút lục 117). Do đó, cấp sơ thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi

kiện của ông Trần Văn S đòi ông Trần Quốc K và bà Lê Thị M trả diện tích 178,7m² là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn S; không có căn cứ chấp nhận ý kiến của ông Dương Long H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông S; Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn S là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Trần Văn S là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ông S được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn S. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 167, 203 Luật Đất đai; Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 1 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S đòi ông Trần Quốc K, bà Lê Thị M trả lại diện tích đất 49,3m².

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn S đòi ông Trần Quốc K, bà Lê Thị M trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế là 178,7m² thuộc thửa 48 (tách từ thửa đất số 24) tờ bản đồ số 73 (tương ứng với một phần thửa 1473 tờ bản đồ số 7 cũ), đất tọa lạc tại ấp CT A1, xã LT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí, số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đất bà Trương Thị Việt N có số đo 3,8m, 3,7m, 5,5m;

- Hướng Tây giáp đất của ông Trần Văn S (nền mộ) có số đo 13m;
- Hướng Nam giáp đất ông Trần Quốc K có số đo 15m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Trần Quốc K có số đo 12,2m.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ông S phải nộp số tiền 1.773.880 đồng, ông S đã nộp đủ và đã chi phí hết.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn S. Trả lại cho ông Trần Văn S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Biên lai số 0008330 ngày 23/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn S là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp án phí nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm số 08/2022/DS-ST ngày 17/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện VL;
- CCTHADS huyện VL;
- Đường sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Anh